

**CÔNG TY TNHH T-CONSTRUCTION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH T-CONSTRUCTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109909192

**3. Ngày thành lập:** 18/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 02, ngõ 42 phố Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0349724133

Fax:

Email: TTContruction18@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663     |
| 10. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Loại trừ hoạt động đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, quản lý quỹ, trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                          | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                              | 6810        |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                            | 6820        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                | 7410        |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 15. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121        |
| 16. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 17. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101(Chính) |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự mặt bằng xây dựng)                                                                                      | 4312        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN VĂN THỦY \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *03/09/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *163081454*  
Ngày cấp: *20/11/2007* Nơi cấp: *Công an tỉnh Nam Định*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Trung Linh, Xã Đại Thắng, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Trung Linh, Xã Đại Thắng, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội